TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

Số: 1144/XMST-KHCL
V/v: Mời chào giá cạnh tranh gói: Cung cấp vật tư, gia công chế tạo, lắp đặt bộ làm kín đuôi lò cho hệ thống lò nung 15b.01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 01 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Các Nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh
Gói mua sắm: Cung cấp vật tư, gia công chế tạo, lắp đặt thay thế bộ làm kín đuôi lò cho hệ thống lò nung 15b.01

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu mua sắm gói: Cung cấp vật tư, gia công chế tạo, lắp đặt thay thế bộ làm kín đuôi lò cho hệ thống lò nung 15b.01 (Ký hiệu XMST/2020/BLK). Chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá cạnh tranh gửi kèm. Được biết quý Công ty là đơn vị có đủ năng lực thực hiện gói mua sắm nêu trên. Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng mời Quý công ty xem xét và gửi thư chào giá cạnh tranh theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá vào **hồi 09h15', ngày 08/12/2020.**

Thư báo giá sẽ được mở công khai vào **hồi 09h30', ngày 08/12/2020.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (https://www.ximangsongthao.com.vn) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Cúc: 0967. 389.681.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý công ty./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng KHCL;
- Tổ xét giá;
- Lưu: VT, KHCL.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2600279082 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO - H. THANH BA T. PHÚ THỌ

Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH THÔNG THƯỜNG

Tên gói mua sắm: Cung cấp vật tư, gia công chế tạo, tháo dỡ, lắp đặt thay thế bộ làm kín đuôi lò cho hệ thống lò nung 15b.01

(Ký hiệu: XMST/2020/BLK)

Bên mời chào giá: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Phú Thọ, tháng 11/2020

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH THÔNG THƯỜNG

Ký hiệu gói mua sắm:	XMST/2020/BLK
Tên gói mua sắm:	Cung cấp vật tư, gia công chế tạo, tháo dỡ, lắp đặt thay thế bộ làm kín đuôi lò cho hệ thống lò nung 15b.01
Phát hành ngày	/11/2020

Phòng Kế hoạch chiến lược

Bùi Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

KT/ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2600279082-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
H. THANH BA T. PHÚ THỌ

Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh thông thường
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Chủ đầu tư, Bên mời chào giá	Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh thông thường gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Cung cấp vật tư, gia công chế tạo, tháo dỡ, lắp đặt thay thế bộ làm kín đuôi lò cho hệ thống lò nung 15b.01 (ký hiệu: XMST/2020/BLK).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Chi phí SXKD năm 2020.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện công việc: trong vòng 03 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng. Trong đó:

+ Phần cung cấp vật tư, gia công chế tạo thiết bị: Trong vòng 45 ngày, kể từ ký Hợp đồng (Cung cấp đầy đủ vật tư, thiết bị đến Nhà máy Bên A trước ngày 25/01/2021);

+ Phần lắp đặt vào vị trí, chạy thử: Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc (dự kiến thực hiện trong tháng 02 năm 2021 theo Kế hoạch sửa chữa lớn của Bên A).

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm=>Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp

có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp;

3. Bảo đảm dự chào giá theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu

4. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu;

5. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu

6. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp:

6.1. Hợp đồng tương tự đã thực hiện- Mẫu số 06.

6.2. Bảng kê khai năng lực nhà xưởng, máy móc thiết bị phục vụ thi công – Mẫu 08:

7. Danh mục Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ - Theo mẫu số 7.

8. Phương án cải tạo, thay thế cơ cấu làm kín đuôi lò; bản vẽ gia công chế tạo, lắp đặt bộ làm kín đuôi lò;

9. Dự thảo hợp đồng điền đầy đủ thông tin theo mẫu.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột "đơn giá " và cột "thành tiền" của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **40 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư chào giá nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Bảo đảm dự chào giá:

1.Nhà cung cấp phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự chào giá trước thời điểm đóng thư chào giá theo một trong các hình thức: đặt cọc (*nộp trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản*) hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành.

+ Giá trị bảo đảm dự chào giá là 20.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi triệu*

đồng);

+ Hình thức nộp bảo đảm chào giá: Tiền mặt, chuyển khoản hoặc Thư bảo đảm dự chào giá do một Tổ chức tín dụng trong nước phát hành.

+ Thời hạn bảo lãnh dự chào giá là 70 ngày, kể từ ngày đóng thư chào giá.

+ Thời điểm nộp bảo đảm dự chào giá: Nhà cung cấp phải nộp bảo đảm dự chào giá (tiền mặt, chuyển khoản, Thư bảo đảm do Tổ chức tín dụng phát hành) đến cho Bên mời chào giá đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm đóng Thư chào giá được quy định tại Thư mời chào giá này.

Trường hợp Nhà cung cấp sử dụng hình thức chuyển khoản: Đơn vị thụ hưởng: Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, số tài khoản: 118 600 399 566 – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Phú Thọ. Nội dung chuyển khoản : Chuyển tiền bảo đảm dự chào giá gói mua sắm :.....(*ghi tên gói mua sắm mà Nhà cung cấp tham dự chào giá*).

Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà cung cấp độc lập hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự chào giá.

2. Bảo đảm dự chào giá được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 1 Mục này, không đúng tên bên mời chào giá (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào giá.

3. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự chào giá thực hiện theo quy định như sau:

Bên mời chào giá có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự chào giá cho nhà cung cấp không được lựa chọn trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà cung cấp được phê duyệt. Đối với nhà cung cấp được lựa chọn, bảo đảm dự chào giá được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà cung cấp đã ký Hợp đồng với Bên mời chào giá và đã triển khai thực hiện công việc gói mua sắm.

- Bảo đảm dự chào giá không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

+ Nhà cung cấp rút hồ sơ dự chào giá sau thời điểm đóng Thư chào giá và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự chào giá;

+ Nhà cung cấp vi phạm các quy định của Thư mời chào giá dẫn đến phải hủy gói mua sắm theo quy định;

+ Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng cung cấp của bên mời chào giá hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

+ Nhà cung cấp đã ký Hợp đồng nhưng không triển khai thực hiện công việc sửa chữa theo nội dung của Hợp đồng Hai Bên đã ký.

Mục 10. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **01 bản chụp** Thư chào giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là "BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ", "BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ".

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ", "BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ".

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế: Tất cả bản gốc, bản chụp của Thư chào giá của nhà cung cấp phải được và chỉ đựng trong 01 (một) túi đựng. Túi đựng Thư chào giá phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá, thời điểm mở Thư chào giá và địa chỉ nhận Thư chào giá nêu tại Khoản 1 – Mục 11 dưới đây. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

Trường hợp Nhà cung cấp không niêm phong, không ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào và thời điểm mở Thư chào giá theo quy định hoặc không ghi địa chỉ nhận Thư chào giá dẫn đến Thư chào giá của Nhà cung cấp không được bảo mật thông tin, hoặc không được tiếp nhận và mở thư chào giá đúng thời gian quy định, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà cung cấp thì Bên mời chào giá hoàn toàn không phải chịu trách nhiệm với Nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời chào giá: Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao: xã Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ và phải đảm bảo bên mời chào giá nhận

được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá là: **hồi 09 giờ 15' ngày 08/12/2020.**

Bên mời chào giá sẽ không chịu trách nhiệm đối với các Thư chào giá gửi không đúng địa chỉ nêu trên.

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 12. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào hồi **hồi 09 giờ 30'ngày 08 tháng 12 năm 2020.**

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 13. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo

yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà cung cấp phụ: Không áp dụng.

Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà cung cấp: Không áp dụng.

Mục 16. Đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá . Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: Báo cáo đánh giá Thư chào giá, Thư chào giá và các tài liệu làm rõ Thư chào giá (nếu có) của nhà cung cấp; Thư mời chào giá.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà cung cấp đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

b) Trong quá trình đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời chào giá nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời chào giá yêu cầu nhà cung cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong Thư chào giá chưa có đơn giá thì bên mời chào giá xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà cung cấp khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói mua sắm;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà cung cấp này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá, giữa các nội dung khác nhau trong Thư chào giá có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong Thư chào giá (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói mua sắm;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

5. Có giá đánh giá thấp nhất;

6. Có giá đề nghị trúng cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cumng cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá

cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 20. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 21. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (Không áp dụng).

Mục 22. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927 Fax:02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Mr Cúc (SĐT: 0967.389.681).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;

b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc Thư chào giá;

b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào giá phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

d) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;

đ) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

e) Có bảo đảm dự chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp (*không áp dụng*);

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều Thư chào giá với tư cách là nhà cung cấp;

i) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
TT	**Mô tả**	**Yêu cầu**	**Nhà cung cấp phải đáp ứng**	
2.1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nhà cung cấp không có hợp đồng không hoàn thành.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2.2	Năng lực, kinh nghiệm	Nhà cung cấp tham gia chào giá phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm cụ thể như sau:		
a	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng có tính chất tương tự	- Từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, Nhà cung cấp phải có ít nhất 03 hợp đồng kinh tế thực hiện việc: cải tạo, cung cấp vật tư, thiết bị, lắp đặt thay thế cơ cấu làm kín lò nung clinker cho các đơn vị sản xuất xi măng tại Việt Nam tương tự với gói mua sắm	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 06

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp phải đáp ứng	
		này.		
b	Năng lực, kinh nghiệm về nhân lực, máy móc thiết bị, dụng cụ thi công	Nhà cung cấp phải có đủ năng lực, kinh nghiệm để tiến hành khảo sát, lập bản vẽ, thuyết minh kỹ thuật, biện pháp thi công dựa trên hiện trạng thực tế của thiết vị Bên A và được Bên A chấp thuận trước khi thực hiện. Cụ thể: + Nhà cung cấp phải có ít nhất 02 kỹ sư cơ khí chế tạo với kinh nghiệm thiết kế, chế tạo ít nhất từ 03 năm trở lên. + Phải có đội ngũ công nhân kỹ thuật tối thiểu 12 người chuyên ngành cơ khí, 02 người chuyên ngành điện, bậc thợ từ 4/7 trở lên và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm. + Phải có mặt bằng nhà xưởng, các máy móc thiết bị chuyên dụng đáp ứng yêu cầu gia công chế tạo thiết bị như: máy hàn, máy cắt, máy khoan… để gia công bộ làm kín đuôi lò – Hệ thống lò nung 15b.01. + Phải có đội ngũ công nhân kỹ thuật có năng lực, kinh nghiệm thi công tháo dỡ, lắp đặt thiết bị cho các Nhà máy xi măng.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Bảng kê khai năng lực thiết bị thi công, công nhân kỹ thuật, kinh theo mẫu số 8.

2.5. Nhà cung cấp phụ đặc biệt (nếu có): Không áp dụng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

3.1. Phương án kỹ thuật, Biện pháp thi công cải tạo, thay thế cơ cấu làm kín đuôi lò:

STT	Nội dung	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	Nhà cung cấp phải lập Phương án kỹ thuật cải tạo, thay thế cơ cấu làm kín đuôi lò - Hệ thống lò nung 15b.01 và lập Biện pháp thi công tháo dỡ bộ làm kín cũ, lắp đặt bộ làm kín mới. Cụ thể:		
1	Về phương án cải tạo, thay thế cơ cấu làm kín đuôi lò - Hệ thống lò nung 15b.01: Nhà cung cấp phải tiến hành khảo sát hiện trạng cơ cấu làm kín đuôi lò Nhà máy của Bên A, từ đó lập phương án kỹ thuật cải tạo, thay thế cơ cấu làm kín hệ thống lò nung 15b.01 đảm bảo kỹ thuật, chất lượng. Cụ thể: + Yêu cầu thực hiện công việc khảo sát lập phương án trong điều kiện hệ thống lò nung 15b.01 - Nhà máy xi măng Vicem sông Thao hoạt động bình thường và ổn định trong điều kiện năng suất 2.800 – 2.900 tấn/ngày; + Phương án kỹ thuật yêu cầu thuyết minh nêu rõ giải pháp làm kín đuôi lò; nêu rõ số lượng, khối lượng; các thông số kỹ thuật, chủng loại, quy cách, hãng sản xuất và xuất xứ của các vật tư, thiết bị (*như quạt ly tâm, các tấm graphite...*) mà Nhà cung cấp sẽ cung cấp. Tài liệu cần nộp: bản vẽ gia công chế tạo, bản vẽ lắp đặt các kết cấu	Phải đáp ứng yêu cầu này	Không đáp ứng yêu cầu này

	khung, chút, vành giá..vv do Nhà cung cấp lập. Danh mục vật tư, thiết bị sẽ cung cấp và chế tạo bao gồm: - Cung cấp quạt ly tâm (*yêu cầu Hãng Phương Linh hoặc tương đương*); - Cung cấp các tấm graphit; - Chế tạo vành quay: vật liệu SS400; - Chế tạo kết cấu khung, chút...vật liệu SS400; - Chế tạo vành giá chịu nhiệt: vật liệu SUS 316. - Các dây khí nén, dây cáp điện và các vật tư khác… + Liên quan đến việc tận dụng lại các thiết bị cũ của Bên A: Nhà cung cấp phải có phương án đánh giá hiệu suất thiết bị của Bên A tại thời điểm đang hoạt động nhằm đảm bảo tuổi thọ đáp ứng đồng bộ theo điều kiện bảo hành của Bên B. Trường hợp Bên B tận dụng các thiết bị không đáp ứng tuổi thọ bảo hành, gây ra các lỗi sự cố ảnh hưởng đến sản xuất của Bên A. Bên B phải chịu hoàn toàn chi phí sửa chữa khắc phục sự cố cho Bên A; + Đối với việc lập bản vẽ lắp đặt tại hiện trường: Yêu cầu Nhà cung cấp thực hiện thiết kế đồng bộ chi tiết bao gồm đầy đủ thiết bị gia công mới và thiết bị tận dụng của Bên A.		
2	Về Biện pháp tổ chức thi công: Nhà cung cấp phải lập Biện pháp tổ chức thi công tháo dỡ cơ cấu bộ làm kín cũ; chế tạo, lắp đặt bộ làm kín mới đảm bảo tiến độ, chất lượng; an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường: + Biện pháp thi công chi tiết cho công tác tháo dỡ thiết bị cũ, chế tạo, lắp đặt thiết bị mới đảm bảo chất lượng. + Tiến độ thi công chi tiết cho các hang mục công việc, yêu cầu thời gian chế tạo, cung cấp vật tư trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng. Thời gian tháo dỡ thiết bị cũ, lắp đặt thiết bị mới tại hiện trường, yêu cầu hoàn thành trong vòng 10 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện theo kế hoạch sửa chữa của Bên A. Lưu ý công tác tháo dỡ, lắp đặt thiết bị được tiến hành xen kẽ với các công việc bảo dưỡng, sửa chữa khác của Bên A trong khu vực xưởng Clinker. Do vậy, Nhà cung cấp phải có phương án thi công trong điều kiện thi công xen kẽ, không ảnh hưởng đến công tác sửa chữa chung theo kế hoạch sửa chữa lớn dây truyền của Bên A. (*Yêu cầu có biểu đồ huy động nhân lực kèm theo*); + Danh mục máy móc thiết bị và nhân lực Nhà cung cấp sẽ huy động phục vụ công việc (*nêu rõ tên máy móc thiết bị, số lượng, công suất, tình trạng máy móc thiết bị;.số lượng cán bộ công nhân, loại thợ, bậc thợ...).* + Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ. + Biện pháp đảm bảo chất lượng công trình: Chất lượng công trình phải đảm bảo theo các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam và yêu cầu cụ thể của Vicem Sông Thao: TCVN 5637:1991 - Quản lý chất lượng xây lắp công trình XD-Nguyên tắc cơ bản; Tiêu chuẩn TCVN5575: 2012 Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 5017-1:2010 (ISO 857-1:1998). Hàn và các quá trình liên quan - Từ vựng - Phần 1: Các quá trình hàn kim loại hoặc các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành; TCXDVN: 170 - 2007- Kết cấu thép, gia công, lắp giáp và nghiệm thu; TCXD 186:1996 - Lò nung clinker kiểu quay - sai số lắp đặt; TCVN 5639: 1991 - Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - Nguyên tắc cơ bản. Bên mời chào giá sẽ xem xét, đánh giá tính phù hợp, khả thi trong phương	Có Biện pháp thi công đầy đủ, phù hợp và khả thi đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng công trình và an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường	Không có Biện pháp thi công hoặc có Biện pháp thi công nhưng không đầy đủ, không chi tiết, không phù hợp, không khả thi, không đáp ứng các yêu cầu về tiến độ, chất lượng công trình và an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường

	án và Biện pháp thi công do Nhà cung cấp lập trong Thư chào giá khi xem xét đánh giá Thư chào giá theo tiêu chí đánh giá đạt/không đạt.		

3.2. Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I	**Yêu cầu kỹ thuật:**		
1	Đối với việc cung cấp các vật tư, thiết bị và cấu kiện do Nhà cung cấp gia công chế tạo:		
1.1	Đối với việc cung cấp vật tư, thiết bị, yêu cầu: + Cung cấp vật tư, thiết bị mới 100%, chưa qua sử dụng; đúng thông số kỹ thuật, chủng loại, quy cách; đúng hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ theo đề xuất của Nhà cung cấp đã được Bên A chấp thuận; + Hàng hóa không bị các biến dạng cơ học như móp, méo, cong vênh, nứt, vỡ…Được đóng kiện, bảo quản theo đúng tiêu chuẩn hoặc qui cách của Nhà sản xuất, còn nguyên đai, nguyên kiện. + Có giấy chứng nhận chất lượng và nguồn gốc xuất xứ (CQ,CO) bản sao y khi cấp hàng;	Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật Bên A yêu cầu	Không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật Bên A yêu cầu
1.2	Đối với việc gia công chế tạo các thiết bị, cấu kiện, yêu cầu: + Sử dụng vật liệu để chế tạo là vật liệu mới 100%, không rỗ, gỉ bề mặt; đúng chủng loại, quy cách, mác thép theo yêu cầu: Thép chế tạo vành quay, khung, chút sử dụng vật liệu SS400 hoặc tương đương; Thép chế tạo vành gia nhiệt sử dụng thép SUS 316; + Các kích thước chế tạo đảm bảo dung sai cho phép theo TCXDVN 170-2007 Kết cấu thép, gia công,;Lắp ráp và nghiệm thu và TCVN224499 hoặc các tiêu chuẩn hiện hành tương đương; + Các chi tiết chế tạo được đánh số, ký mã hiệu, đóng kiện hoặc bao gói đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc nhận diện, bốc dỡ khi vận chuyển.	Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật Bên A yêu cầu	Không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật Bên A yêu cầu
2	Đối với việc lắp đặt thiết bị yêu cầu:		
2.1	Việc lắp đặt đảm bảo theo đúng bản vẽ lắp đặt tại hiện trường và biện pháp thi công được Hai Bên thống nhất dưới sự giám sát của Bên A. Việc lắp đặt tại hiện trường đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN5575: 2012 Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 5017-1:2010 (ISO 857-1:1998) Hàn và các quá trình liên quan - Từ vựng - Phần 1: Các quá trình hàn kim loại hoặc các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành		
2.2	Lắp đặt các chi tiết thiết bị đúng vị trí, căn chỉnh đạt dung sai cho phép theo các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam: + TCVN 5637:1991 - Quản lý chất lượng xây lắp công trình XD-Nguyên tắc cơ bản. + TCVN 5639: 1991 - Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - Nguyên tắc cơ bản. + TCXD 186:1996 - Lò nung clinker kiểu quay - sai số lắp đặt;		
2.3	Các mối liên kết trong quá trình lắp đặt đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật: + Đối với các mối liên kết bằng bu lông phải được xiết chặt đủ lực xiết; + Các mối liên kết bằng hàn phải được hàn đủ độ dày, mối hàn không bị ngậm xỉ, rỗ khí, sử dụng que hàn có chất lượng, đảm bảo đúng chủng loại theo yêu cầu kỹ thuật		
2.4	Các thiết bị sau khi được lắp đặt đưa vào chạy thử không tải (sấy lò)		

	và chạy thử có tải trong 72 giờ. Sau khi chạy thử không tải và có tải thiết bị phải làm việc ổn định, biến dạng, cong vênh, hư hỏng, máy chạy êm, không có tiếng kêu lạ, đạt công suất thiết kế;		
II	**Điều kiện nghiệm thu**		
1	Việc nghiệm thu được thực hiện theo 3 bước:		
1.1	**Nghiệm thu tĩnh**: bao gồm việc nghiệm thu các vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp trước khi đưa vào lắp đặt (*như quạt ly tâm, các tấm graphit...*) và nghiệm thu các kết cấu, sản phẩm do Bên B gia công chế tạo trước khi đưa vào lắp đặt và nghiệm thu tĩnh sau khi Bên B lắp đặt bộ làm kín vào vị trí lò nung 15b.01: ***a.1.*** *Nghiệm thu vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp trước khi đưa vào lắp đặt:* Khi Bên B cung cấp các vật tư, thiết bị đến công trường để lắp đặt, Bên A sẽ kiểm tra về thông số kỹ thuật, chủng loại, quy cách, hãng sản xuất và xuất xứ hàng hóa, các tài liệu đi kèm. Nếu vật tư, thiết bị Bên B cung cấp đúng yêu cầu, Hai Bên sẽ nghiệm thu cho phép Bên B sử dụng đưa vào lắp đặt tại công trình. ***a.2.*** *Nghiệm thu kết cấu, sản phẩm do Bên B gia công chế tạo theo bản vẽ Bên A cấp hoặc bản vẽ do Bên B lập được Bên A xác nhận:* Sau khi Bên B hoàn thành công việc gia công các chi tiết, kết cấu bộ làm kín đuôi lò – Hệ thống lò nung 15b.01 và vận chuyển đến Nhà máy xi măng Vicem sông Thao. Các bên tiến hành đối chiếu với bản vẽ, nghiệm thu về các thông số kỹ thuật, quy cách, kiểm tra các tài liệu chứng nhận bao gồm: + Biên bản bàn giao thiết bị + Bản vẽ hoàn công có xác nhận của Bên A + Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất Nếu hàng hóa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đúng thông số về kích thước, chất lượng. Các bên sẽ tiến hành nghiệm thu làm cơ sở để Bên B thực hiện lắp đặt tại hiện trường. ***a.3.*** *Nghiệm thu lắp đặt tĩnh:* Trong kế hoạch sửa chữa đợt tháng 02 năm 2021, Bên A có kế hoạch đưa thiết bị bộ làm kín đuôi lò vào lắp đặt. Khi Bên B hoàn thành việc lắp đặt bộ làm kín đuôi lò vào vị trí, Hai Bên sẽ tiến hành đo đạc, kiểm tra về vị trí, yêu cầu kỹ thuật. Cụ thể, bộ làm kín sau khi lắp đặt vào vị trí lò nung 15b.01 phải đảm bảo các thông số kỹ thuật cụ thể như sau: + Bộ làm kín đuôi lò hệ thống lò nung 15b.01 được lắp đặt đúng bản vẽ, đúng thông số kỹ thuật Hai Bên đã thống nhất; + Các tấm graphit làm kín được lắp đặt để tạo thành một rào chắn với đường rượt quanh với lò nung. Khe hở tiêu chuẩn giữa các tấm graphit làm kín nhỏ hơn 03mm; + Các kết cấu được lắp đặt kết nối với hệ thống Kiln hood phải chắc chắn. Các mối hàn phải đảm bảo chắc chắn theo tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 5017-1:2010 (ISO 857-1:1998). Hàn và các quá trình liên quan - Từ vựng - Phần 1: Các quá trình hàn kim loại hoặc các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành Nếu sau khi kiểm tra, thiết bị Bên B lắp đặt đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, Hai Bên sẽ lập Biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh làm cơ sở cho phép chuyển bước sang tiến hành chạy thử không tải và chạy thử có tải 72 giờ.	Cam kết tuân thủ qui trình, điều kiện nghiệm thu Bên A đưa ra	Không cam kết tuân thủ qui trình, điều kiện nghiệm thu Bên A đưa ra
1.2	**Nghiệm thu chạy thử không tải**: Trên cơ sở các Biên bản nghiệm thu tĩnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, Bộ làm kín đuôi lò đã được lắp vào vị trí đạt yêu cầu kỹ thuật, Bên A tiến hành sấy lò theo qui trình. Trong quá trình sấy lò, Hai Bên sẽ tiến hành kiểm tra lại Bộ làm kín đuôi lò do Bên B lắp đặt, nếu bộ làm kín hoạt động không ổn định, bị biến dạng, hư hỏng, cong vênh, hay rạn nứt, hoặc quạt ly tâm hoạt động không ổn định... thì Bên B phải tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời trước khi Bên A cho tiến hành		

	chạy thử có tải 72 giờ theo kế hoạch. Mọi chi phí để khắc phục do Bên B chịu. Hai Bên sẽ tiến hành lập Biên bản nghiệm thu chạy thử không tải, sau khi bộ làm kín được đánh giá hoạt động ổn định đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đã đề ra.		
1.3	**Nghiệm thu chạy thử có tải 72h, yêu cầu bộ làm kín phải đảm bảo:** + Hệ thống vành làm kín phải đảm bảo độ tròn đồng đều theo chu vi của lò nung. Khe trượt các tấm graphit làm kín phải đạt độ linh hoạt và không có khe hở và không xuất hiện tình trạng sứt, vỡ, biến dạng trong quá trình lò hoạt động; + Chấm dứt hoàn toàn tình trạng xâm nhập của không khí lạnh (khí giả) vào bên trong hệ thống lò nung clinker giúp ổn định nhiệt bên trong hệ thống; + Ngăn chặn hoàn toàn tình trạng thoát khí nóng và bụi mịn clinker ra ngoài, làm hỏng các thiết bị cơ khí bên ngoài khu vực. Nếu trong quá trình chạy thử có tải, thiết bị bị hư hỏng xác định do lỗi của Bên B thì Bên B phải xử lý, khắc phục kịp thời đảm bảo yêu cầu kỹ thuật không làm ảnh hưởng đến sản xuất của Bên A. Kinh phí khắc phục sửa chữa do Bên B chịu. Sau khi thiết bị chạy có tải được 72 giờ đạt yêu cầu kỹ thuật, Hai Bên sẽ lập Biên bản nghiệm thu chạy thử có tải 72 giờ và bàn giao đưa vào sử dụng.		
III	**Tiến độ hoàn thành:** Thời gian thực hiện Hợp đồng 3,0 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng Trong đó: + Phần cung cấp vật tư, gia công chế tạo thiết bị: Trong vòng 45 ngày, kể từ ký Hợp đồng (*hoàn thành việc cung cấp trước ngày 25/01/2021*); + Phần lắp đặt vào vị trí, chạy thử: Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc theo Kế hoạch sửa chữa của Bên A. Thời điểm dự kiến thực hiện trong tháng 02 năm 2021. Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết trước về thời điểm thực hiện là 05 ngày làm việc để Bên B chuẩn bị công việc.	*Cam kết hoàn thành đúng thời gian, thực hiện đúng thời điểm Bên A yêu cầu.*	*Không cam kết hoàn thành đúng thời gian và thực hiện đúng thời điểm Bên A yêu cầu.*
IV	**Bảo hành**:		
	Bảo hành chất lượng vật tư, lắp đặt trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày đưa vào sử dụng.	Cam kết bảo hành đúng thời gian yêu cầu	Không cam kết bảo hành đúng thời gian yêu cầu.

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đều được đánh giá là "đạt".

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy đơn giá trong dự toán gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG[1]

Ngày:____ *[Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói mua sắm: _____ *[Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm]*

Tên Phương án mua sắm: _____ *[Ghi tên PAMS]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá]*

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số___*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,____ *[Ghi tên nhà cung cấp],* có địa chỉ tại ____*[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* cam kết thực hiện gói mua sắm ____*[Ghi tên gói mua sắm]* theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là ____*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*[2] cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm]*[3].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.

4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.

5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian 40 ngày[4], kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá..

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp[5]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất

về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp],* là người đại diện theo pháp luật của _ *[Ghi tên nhà cung cấp]* có địa chỉ tại _ *[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* bằng văn bản này ủy quyền cho _ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ *[Ghi tên gói mua sắm]* thuộc Phương án mua sắm_ *[Ghi tên Phương án mua sắm]* do _ *[Ghi tên bên mời chào giá]* tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] [2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[Ghi tên nhà cung cấp]*. ____ *[Ghi tên nhà cung cấp]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ [3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

Mẫu số 03

BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ[1]

Bên thụ hưởng:___*[Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời chào giá]*

Ngày phát hành bảo lãnh:___*[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ số:___*[Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự chào giá]*

Bên bảo lãnh:___*[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng _____*[Ghi tên nhà cung cấp]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói mua sắm _____*[Ghi tên gói mua sắm]* thuộc Phương án mua sắm _____*[Ghi tên PAMS]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà cung cấp tham dự chào hàng cạnh tranh gói mua sắm này bằng một khoản tiền là _____*[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____[2] ngày, kể từ ngày____tháng___ năm___[3].

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là _____*[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo nhà cung cấp vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá và trong thời gian có hiệu lực của Thư chào giá;

2. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời chào giá, trừ trường hợp bất khả kháng;

3. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp của bên mời chào giá hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư chào giá.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng chào giá: Bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng chào giá: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự chào giá là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

(3) Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mẫu số 04

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

TT	Nội dung công việc	Thông số kỹ thuật, quy cách	Hãng SX/ Xuất xứ	Đvt	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Cung cấp vật tư, gia công chế tạo bộ làm kín phía đầu ra lò (phía Nhà lạnh). Bao gồm:			bộ	01		
1.1	*Quạt ly tâm*	……	……..	*Cái*	…...		
1.2	*Tấm graphit*	……...	……..	*Tấm*	.....		
1.3	*Gia công chế tạo vành quay.*	……	……..	*kg*	.....		
1.4	*Kết cấu khung, chút..vv*	……	……	*kg*	…...		
1.5	*Gia công vành giả chịu nhiệt*	……	……..	*kg*	.....		
1.6	*Các vật tư khác như: Dây khí nén, dây cáp điện, gioăng đệm và vật liệu tiêu hao...*	……	……	*Bộ*	*1*		
2	Tháo dỡ, lắp đặt thay thế bộ làm kín phía đầu ra lò (phía Nhà lạnh)			bộ	01		
	Cộng giá trị trước thuế						
	Thuế GTGT 10%						
	Cộng giá trị sau thuế						

***Lưu ý:**

a. Phần cung cấp vật tư, gia công chế tạo bộ làm kín Nhà cung cấp phải điền cụ thể đầy đủ các danh mục vật tư, thiết bị, thông số kỹ thuật, quy cách, hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ và khối lượng vật tư thiết bị mà Nhà cung cấp đã tính toán trong phương án cải tạo, thay thế cơ cấu làm kín đuôi lò của mình.

b. Khối lượng vật tư, thiết bị nêu trên xác định trên cơ sở phương án, bản vẽ thiết kế của Nhà cung cấp. Trong quá trình thi công tại hiện trường, để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, nếu Bên A yêu cầu điều chỉnh thiết kế dẫn đến phát sinh tăng nội dung công việc, khối lượng thì Bên B vẫn phải thực hiện các công việc phát sinh đó để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của bộ làm kín đuôi lò mà không được tính thêm chi phí.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp[5]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 05

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM

Ngày: _____*[Điền ngày tháng năm ký cam kết]*
Tên gói mua sắm: _____ *[Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]*
Tên Phương án mua sắm: _____ *[Ghi tên PAMS]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]*

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số_____*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____*[Ghi tên bên mời chào giá]* phát hành, chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà cung cấp],* có địa chỉ tại _____*[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* cam kết huy động: nhân lực có năng lực, kinh nghiệm, đủ số lượng và máy móc thiết bị thi công phù hợp, đủ số lượng để thực hiện gói mua sắm đảm bảo đáp ứng tiến độ, chất lượng theo các yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 06

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

___, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*	
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*	
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*	
Giá hợp đồng	*[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	*[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]*	
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*	
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]*	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá[(1)].		
1. Loại hàng hóa	*[ghi thông tin phù hợp]*	
2. Về giá trị	*[ghi số tiền bằng VND]*	
3. Về quy mô thực hiện	*[ghi quy mô theo hợp đồng]*	
4. Các đặc tính khác	*[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]*	

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

Mẫu số 7

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ [(1)]

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá			
☐ Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. ☐ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.			
Năm	**Phần việc hợp đồng không hoàn thành**	**Mô tả hợp đồng**	**Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)**
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời cung cấp phát hiện bất cứ nhà cung cấp nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi "gian lận" và Thư chào giá sẽ bị loại.

Mẫu số 8

Danh mục máy móc, thiết bị thi công Nhà cung cấp huy động cho dự án

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
1				
2				

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

Mục 1. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện:

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

TT	Nội dung công việc	Thông số kỹ thuật, quy cách	Hãng SX/ Xuất xứ	Đvt	SL	Ghi chú
1	Cung cấp vật tư, gia công chế tạo bộ làm kín phía đầu ra lò (phía Nhà lạnh). Bao gồm:			bộ	01	
1.1	*Quạt ly tâm*	Do Nhà cung cấp tính toán, lựa chọn và đề xuất	Do Nhà cung cấp tính toán, lựa chọn và đề xuất	*Cái*	Do Nhà cung cấp tính toán, lựa chọn và đề xuất	
1.2	*Tấm graphit*			*Tấm*		
1.3	*Gia công chế tạo vành quay.*			*kg*		
1.4	*Kết cấu khung, chút..vv*			*kg*		
1.5	*Gia công vành giả chịu nhiệt*			*kg*		
1.6	*Các vật tư khác như: Dây khí nén, dây cáp điện, gioăng đệm và vật liệu tiêu hao...*			*Bộ*	*1*	
2	Tháo dỡ, lắp đặt thay thế bộ làm kín phía đầu ra lò (phía Nhà lạnh)			bộ	01	

***Lưu ý:**

a. Phần cung cấp vật tư, gia công chế tạo bộ làm kín Nhà cung cấp phải điền cụ thể đầy đủ các danh mục vật tư, thiết bị, thông số kỹ thuật, quy cách, hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ và khối lượng vật tư thiết bị mà Nhà cung cấp đã tính toán trong phương án cải tạo, thay thế cơ cấu làm kín đuôi lò của mình.

b. Khối lượng vật tư, thiết bị nêu trên xác định trên cơ sở phương án, bản vẽ thiết kế của Nhà cung cấp. Trong quá trình thi công tại hiện trường, để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, nếu Bên A yêu cầu điều chỉnh thiết kế dẫn đến phát sinh tăng nội dung công việc, khối lượng thì Bên B vẫn phải thực hiện các công việc phát sinh đó để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của bộ làm kín đuôi lò mà không được tính thêm chi phí.

Mục 2. Thời gian thực hiện và tiến độ cung cấp.

Thời gian thực hiện Hợp đồng 3,0 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng. Trong đó:

+ Phần cung cấp vật tư, gia công chế tạo thiết bị: Trong vòng 45 ngày, kể từ ký Hợp đồng (*hoàn thành việc cung cấp trước ngày 25/01/2021*);

+ Phần lắp đặt vào vị trí, chạy thử: Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc theo Kế hoạch sửa chữa của Bên A.

Thời điểm thực hiện dự kiến trong tháng 02 năm 2021. Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết trước về thời điểm thực hiện là 05 ngày làm việc để Bên B chuẩn bị công việc.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật: Nêu tại mục 3.2 – Chương II - yêu cầu kỹ thuật

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Mẫu số 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: /2020/HĐKT
V/v Cung cấp vật tư, thiết bị, gia công chế tạo, tháo dỡ, lắp đặt thay thế bộ làm kín đuôi lò hệ thống lò nung 15b.01
(Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2020/BLK)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMST, ngày / /2020 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao v/v phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp thực hiện gói mua sắm: Cung cấp vật tư, thiết bị, gia công chế tạo, tháo dỡ, lắp đặt thay thế bộ làm kín đuôi lò – Hệ thống lò nung 15b.01 (Ký hiệu: XMST/2020/BLK);

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng ngày / /2020 giữa Hai Bên;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày / /2020, tại Công ty CP xi măng Vicem Sông Thao, Hai Bên gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
Địa chỉ : Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại : 0210 3884 927 Fax: 0210 3884 929
Mã số thuế : 2600279082
Tài khoản : 118 600399 566
Ngân hàng : TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng
Đại diện : Ông **Nguyễn Quang Huy** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

BÊN B :
Địa chỉ :
Điện thoại : Fax:
Tài khoản :
Ngân hàng :
Mã số thuế :
Đại diện : Ông (Bà): Chức vụ :

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng: Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc: Cung cấp vật tư, thiết bị, gia công chế tạo, tháo dỡ, lắp đặt thay thế bộ làm kín đuôi lò – Hệ thống lò nung 15b.01 - Nhà máy của Bên A.

Phạm vi công công việc bao gồm:

+ Tiến hành khảo sát hiện trạng cơ cấu làm kín đuôi lò – Hệ thống lò nung 15b.01 của Bên A;

+ Lập Phương án, bản vẽ thiết kế chế tạo, lắp đặt bộ làm kín đuôi lò – Hệ thống lò nung 15b.01;

+ Cung cấp vật tư, thiết bị, gia công chế tạo, tháo dỡ thiết bị cũ, lắp đặt bộ làm kín đuôi lò mới – Hệ thống lò nung 15b.01.

+ Giám sát, hiệu chỉnh thiết bị trong quá trình chạy thử không tải và có tải thiết bị trong vòng 72 giờ, bàn giao đưa vào sử dụng;

Danh mục, khối lượng công việc chi tiết nêu tại bảng giá trị Hợp đồng.

Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và điều kiện nghiệm thu:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

a. Về lập phương án cải tạo, thay thế cơ cấu làm kín đuôi lò - Hệ thống lò nung 15b.01:

Nhà cung cấp phải tiến hành khảo sát hiện trạng cơ cấu làm kín đuôi lò Nhà máy của Bên A, làm cơ sở lập phương án cải tạo, thay thế cơ cấu làm kín hệ thống lò nung 15b.01:

+ Yêu cầu thực hiện công việc khảo sát lập phương án trong điều kiện hệ thống lò nung 15b.01 - Nhà máy xi măng Vicem sông Thao hoạt động bình thường và ổn định trong điều kiện năng suất 2.800 – 2.900 tấn/ngày;

+ Các vật tư, thiết bị của bộ làm kín cũ của Bên A do Bên B tận dụng lại sau khi Bên B đã đánh giá hiệu suất thiết bị tại thời điểm đang hoạt động nhằm đảm bảo tuổi thọ đáp ứng đồng bộ theo điều kiện bảo hành của Bên B. Trường hợp Bên B tận dụng các thiết bị không đáp ứng tuổi thọ bảo hành, gây ra các lỗi sự cố ảnh hưởng đến sản xuất của Bên A. Bên B phải chịu hoàn toàn chi phí sửa chữa khắc phục sự cố cho Bên A;

+ Các bản vẽ lắp đặt tại hiện trường, Nhà cung cấp thực hiện thiết kế đồng bộ chi tiết bao gồm đầy đủ thiết bị gia công mới và thiết bị tận dụng của Bên A;

b. Đối với việc cung cấp vật tư, thiết bị:

+ Vật tư, thiết bị (*hàng hóa*) mới 100%, chưa qua sử dụng; đúng thông số kỹ thuật, chủng loại, quy cách; đúng hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ theo đề xuất của Bên B đã được Bên A chấp thuận;

+ "Hàng hóa" không bị các biến dạng cơ học như: móp, méo, cong vênh, nứt, vỡ…Hàng hóa phải được đóng kiện, bảo quản theo đúng tiêu chuẩn hoặc qui cách của Nhà sản xuất, còn nguyên đai, nguyên kiện.

+ Có giấy chứng nhận chất lượng và nguồn gốc xuất xứ (CQ,CO) bản sao y khi cấp hàng;

c. Đối với việc gia công chế tạo các thiết bị, cấu kiện:

+ Sử dụng vật liệu để chế tạo là vật liệu mới 100%, không rỗ, gỉ bề mặt; đúng chủng loại, quy cách, mác thép theo yêu cầu: Thép chế tạo vành quay, khung, chút sử dụng vật liệu SS400 hoặc tương đương; Thép chế tạo vành gia nhiệt sử dụng thép SUS 316;

+ Các kích thước chế tạo đảm bảo dung sai cho phép theo TCXDVN 170-2007 Kết cấu thép, gia công; Lắp ráp và nghiệm thu và TCVN224499 hoặc các tiêu chuẩn hiện hành tương đương;

+ Các chi tiết chế tạo được đánh số, ký mã hiệu, đóng kiện hoặc bao gói đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc nhận diện, bốc dỡ khi vận chuyển;

d. Đối với việc lắp đặt thiết bị:

+ Việc lắp đặt đảm bảo theo đúng bản vẽ lắp đặt tại hiện trường và biện pháp thi công được Hai Bên thống nhất dưới sự giám sát của Bên A. Việc lắp đặt tại hiện trường đảm bảo theo tiêu chuẩn TCVN5575: 2012 Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế; TCVN 5017-1:2010 (ISO 857-1:1998) Hàn và các quá trình liên quan - Từ vựng - Phần 1: Các quá trình hàn kim loại hoặc các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;

+ Lắp đặt các chi tiết thiết bị đúng vị trí, căn chỉnh đạt dung sai cho phép theo các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam:
-TCVN 5637:1991 - Quản lý chất lượng xây lắp công trình XD-Nguyên tắc cơ bản.
-TCVN 5639: 1991 - Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - Nguyên tắc cơ bản.

-TCXD 186:1996 - Lò nung clinker kiểu quay - sai số lắp đặt;

+ Các mối liên kết trong quá trình lắp đặt đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật:
Đối với các mối liên kết bằng bu lông phải được xiết chặt đủ lực xiết;

Các mối liên kết bằng hẫn phải được hàn đủ độ dày, mối hàn không bị ngậm xỉ, rỗ khí, sử dụng que hàn có chất lượng, đảm bảo đúng chủng loại theo yêu cầu kỹ thuật

+ Các thiết bị sau khi được lắp đặt phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sao cho khi đưa vào chạy thử không tải (sấy lò) và chạy thử có tải trong 72 giời thiết bị phải làm việc ổn định; không bị biến dạng, cong vênh, hư hỏng, máy chạy êm, không có tiếng kêu lạ, đạt công suất thiết kế;

2.2. Điều kiện nghiệm thu:

Việc nghiệm thu được thực hiện theo 03 bước như sau:

a. Nghiệm thu tĩnh: bao gồm việc nghiệm thu các vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp trước khi đưa vào lắp đặt (*như quạt ly tâm, các tấm graphit...*) và nghiệm thu các kết cấu, sản phẩm do Bên B gia công chế tạo trước khi đưa vào lắp đặt và nghiệm thu tĩnh sau khi Bên B lắp đặt bộ làm kín vào vị trí lò nung 15b.01:
a.1. *Nghiệm thu vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp trước khi đưa vào lắp đặt:*
Khi Bên B cung cấp các vật tư, thiết bị đến công trường để lắp đặt, Bên A sẽ kiểm tra về thông số kỹ thuật, chủng loại, quy cách, hãng sản xuất và xuất xứ hàng hóa, các tài liệu đi kèm. Nếu vật tư, thiết bị Bên B cung cấp đúng yêu cầu, Hai Bên sẽ nghiệm thu cho phép Bên B sử dụng đưa vào lắp đặt tại công trình.
a.2. *Nghiệm thu kết cấu, sản phẩm do Bên B gia công chế tạo theo bản vẽ Bên A cấp hoặc bản vẽ do Bên B lập được Bên A xác nhận:*
Sau khi Bên B hoàn thành công việc gia công các chi tiết, kết cấu bộ làm kín đuôi lò – Hệ thống lò nung 15b.01 và vận chuyển đến Nhà máy xi măng Vicem sông Thao. Các bên tiến hành đối chiếu với bản vẽ, nghiệm thu về các thông số kỹ thuật, quy cách, kiểm tra các tài liệu chứng nhận bao gồm:
+ Biên bản bàn giao thiết bị
+ Bản vẽ hoàn công có xác nhận của Bên A
+ Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất

Nếu hàng hóa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đúng thông số về kích thước, chất lượng. Các bên sẽ tiến hành nghiệm thu làm cơ sở để Bên B thực hiện lắp đặt tại hiện trường.

a.3. *Nghiệm thu lắp đặt tĩnh:*

Trong kế hoạch sửa chữa đợt tháng 02 năm 2021, Bên A có kế hoạch đưa thiết bị bộ làm kín đuôi lò vào lắp đặt. Khi Bên B hoàn thành việc lắp đặt bộ làm kín đuôi lò vào vị trí, Hai Bên sẽ tiến hành đo đạc, kiểm tra về vị trí, yêu cầu kỹ thuật. Cụ thể, bộ làm kín sau khi lắp đặt vào vị trí lò nung 15b.01 phải đảm bảo các thông số kỹ thuật cụ thể như sau:

+ Bộ làm kín đuôi lò hệ thống lò nung 15b.01 được lắp đặt đúng bản vẽ, đúng thông số kỹ thuật Hai Bên đã thống nhất;

+ Các tấm graphit làm kín được lắp đặt để tạo thành một rào chắn với đường rượt quanh với lò nung. Khe hở tiêu chuẩn giữa các tấm graphit làm kín nhỏ hơn 03mm;

+ Các kết cấu được lắp đặt kết nối với hệ thống Kiln hood phải chắc chắn. Các mối hàn phải đảm bảo chắc chắn theo tiêu chuẩn thiết kế: TCVN 5017-1:2010 (ISO 857-1:1998). Hàn và các quá trình liên quan - Từ vựng - Phần 1: Các quá trình hàn kim loại hoặc các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành

Nếu sau khi kiểm tra, thiết bị Bên B lắp đặt đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, Hai Bên sẽ lập Biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh làm cơ sở cho phép chuyển bước sang tiến hành chạy thử không tải và chạy thử có tải 72 giờ.

b. Nghiệm thu chạy thử không tải:

Trên cơ sở các Biên bản nghiệm thu tĩnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, Bộ làm kín đuôi lò đã được lắp vào vị trí đạt yêu cầu kỹ thuật, Bên A tiến hành sấy lò theo qui trình. Trong quá trình sấy lò, Hai Bên sẽ tiến hành kiểm tra lại Bộ làm kín đuôi lò do Bên B lắp đặt, nếu bộ làm kín hoạt động không ổn định, bị biến dạng, hư hỏng, cong vênh, hay rạn nứt, hoặc quạt ly tâm hoạt động không ổn định… thì Bên B phải tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời trước khi Bên A cho tiến hành chạy thử có tải 72 giờ theo kế hoạch. Mọi chi phí để khắc phục do Bên B chịu. Hai Bên sẽ tiến hành lập Biên bản nghiệm thu chạy thử không tải, sau khi bộ làm kín được đánh giá hoạt động ổn định đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đã đề ra.

c. Nghiệm thu chạy thử có tải 72h:

Trong quá trình lò nung 15b.01 của Bên A chạy thử có tải trong 72 giờ thì, bộ làm kín đuôi lò do Bên B cung cấp và lắp đặt phải đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Hệ thống vành làm kín phải đảm bảo độ tròn đồng đều theo chu vi của lò nung. Khe trượt các tấm graphit làm kín phải đạt độ linh hoạt và không có khe hở và không xuất hiện tình trạng sứt, vỡ, biến dạng trong quá trình lò hoạt động;

+ Chấm dứt hoàn toàn tình trạng xâm nhập của không khí lạnh (khí giả) vào bên trong hệ thống lò nung clinker giúp ổn định nhiệt bên trong hệ thống;

+ Ngăn chặn hoàn toàn tình trạng thoát khí nóng và bụi mịn clinker ra ngoài, làm hỏng các thiết bị cơ khí bên ngoài khu vực.

Nếu trong quá trình chạy thử có tải, thiết bị bị hư hỏng xác định do lỗi của Bên B thì Bên B phải xử lý, khắc phục kịp thời đảm bảo yêu cầu kỹ thuật không làm ảnh hưởng đến sản xuất của Bên A. Kinh phí khắc phục sửa chữa do Bên B chịu.

Sau khi thiết bị chạy có tải được 72 giờ đạt các yêu cầu kỹ thuật nêu trên, Hai Bên sẽ lập Biên bản nghiệm thu chạy thử có tải 72 giờ và bàn giao đưa vào sử dụng.

Với mỗi bước nghiệm thu nêu từ điểm a đến điểm c nêu trên, Bên A sẽ từ chối nghiệm thu nếu qua kiểm tra, đánh giá không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng. Khi đó, Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và hoàn thành đúng thời gian yêu cầu.

Điều 3. Thời gian, địa điểm thực hiện Hợp đồng:

a.Thời gian thi công: Thời gian để Bên B hoàn thành toàn bộ công việc trong vòng ….. ngày, kể từ ngày Hai Bên ký Hợp đồng. Trong đó:

+ Thời gian cung cấp vật tư, thiết bị, gia công các chi tiết, kết cấu bộ làm kín đuôi lò cấp đến Nhà máy Bên A trong vòng …..ngày, kể từ ngày Hai Bên ký Hợp đồng (Cấp trước ngày 25/01/2021);

+ Thời gian hoàn thành việc tháo dỡ thiết bị cũ, lắp đặt thiết bị mới bộ làm kín đuôi lò vào vị trí trong vòng ….ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc. Thời điểm bắt đầu thực hiện công việc, theo Kế hoạch sửa chữa của Bên A (dự kiến thực hiện vào tháng 02/2021, Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B 05 ngày để Bên B chuẩn bị).

b. Địa điểm thi công: Tại Nhà máy Bên A, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, Phú Thọ.

Điều 4. Hình thức và giá trị Hợp đồng:

4.1. Giá trị Hợp đồng (*đã bao gồm thuế GTGT 10%*) là: …… **đồng** *(Bằng chữ: ……).*

Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng

TT	Nội dung công việc	Thông số kỹ thuật, quy cách	Hãng SX/ Xuất xứ	Đvt	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Cung cấp vật tư, gia công chế tạo bộ làm kín phía đầu ra lò (phía Nhà lạnh). Bao gồm:			bộ	01		
1.1	*Quạt ly tâm*	……	……..	*Cái*	…...		
1.2	*Tấm graphit*	……...	……..	*Tấm*	.....		
1.3	*Gia công chế tạo vành quay.*	……	……..	*kg*	.....		
1.4	*Kết cấu khung, chút..vv*	……	……	*kg*	... ...		
1.5	*Gia công vành giả chịu nhiệt*	……	……..	*kg*	.....		
1.6	*Các vật tư khác như: Dây khí nén, dây cáp điện, gioăng đệm và vật liệu tiêu hao...*	……	……	*Bộ*	*1*		
2	Tháo dỡ, lắp đặt thay thế bộ làm kín phía đầu ra lò (phía Nhà lạnh)			bộ	01		
	Cộng giá trị trước thuế						
	Thuế GTGT 10%						
	Cộng giá trị sau thuế						

Giá trị nêu trên bao gồm các chi phí: chi phí khảo sát hiện trường; lập phương án, bản vẽ gia công chế tạo, lắp đặt; chi phí vật tư, gia công chế tạo, vận chuyển vật tư thiết bị đến

kho Vicem Sông Thao; chi phí tháo dỡ thiết bị cũ, lắp đặt thiết bị mới vào vị trí và các chi phí khác có liên quan.

4.2. Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 5. Phương thức thanh, quyết toán:

5.1. Quyết toán:

Sau khi Bên B đã hoàn thành toàn bộ công việc của Hợp đồng. Trên cơ sở các Biên bản nghiệm thu được Hai Bên ký, Hai Bên tiến hành lập Hồ sơ quyết toán. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ quyết toán được A-B ký, công văn đề nghị thanh toán của Bên B kèm hóa đơn GTGT, Bên A thanh toán đến 95% giá trị quyết toán và giữ lại 5% giá trị quyết toán để bảo hành.

*** Hồ sơ quyết toán gồm**:

+ Các Biên bản nghiệm thu tĩnh, bao gồm:

Biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp đến công trường;

Biên bản nghiệm thu công việc gia công chế tạo chi tiết thiết bị theo bản vẽ thiết kế;

Biên bản nghiệm thu lắp đặt thiết bị vào vị trí;

Bản vẽ hoàn công gia công chế tạo, hoàn công lắp đặt được Bên A xác nhận;

+ Biên bản nghiệm thu chạy thử không tải và Biên bản nghiệm thu chạy thử có tải 72 giờ, bàn giao đưa vào sử dụng;

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

+ Biểu tính giá trị khối lượng hoàn thành.

5.2. Thanh lý Hợp đồng:

Hết thời gian bảo hành và Bên B đã xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (*nếu có*), Hai Bên tiến hành lập Biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành và lập Biên bản thanh lý Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Biên bản thanh lý Hợp đồng được A - B ký, Bên A sẽ thanh toán nốt 5% số tiền còn giữ lại bảo hành cho Bên B.

5.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ.

5.4. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 6. Trách nhiệm Các Bên:

6.1. Trách nhiệm Bên A:

a. Cung cấp cho Bên B các bản vẽ và tài liệu kỹ thuật có liên quan; bàn giao mặt bằng, thiết bị cho Bên B trước khi Bên B thực hiện công việc;

b. Tạo điều kiện, cử cán bộ kỹ thuật phối hợp, hỗ trợ Bên B trong quá trình Bên B khảo sát hiện trạng cơ cấu làm kín đuôi lò – Hệ thống lò nung 15b.01 của Bên A;

c. Xác nhận phương án cải tạo, phê duyệt biện pháp thi công do Bên B lập trước khi tiến hành công việc;

d. Cung cấp điểm đấu điện, nước đủ điều kiện để Bên B thi công.

e. Cử cán bộ kiểm tra, giám sát Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Phối hợp với Bên B xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có) và làm các Hồ sơ nghiệm thu trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

f. Bên A có quyền tạm dừng hoặc chấm dứt Hợp đồng khi Bên B thi công không đáp ứng ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng hoặc không đảm bảo tiến độ theo yêu cầu. Khi đó, Bên A sẽ tự thực hiện hoặc mời Nhà thầu khác vào thực hiện các phần việc còn lại của Hợp đồng. Giá trị phần khối lượng công việc còn lại sẽ do Bên A và Nhà thầu được mời vào thực hiện thống nhất. Nếu giá trị công việc Bên A thuê nhà thầu khác cao hơn giá trị tính theo đơn giá của Hợp đồng thì Bên B phải bồi thường phần giá trị chênh lệch.

g. Thanh, quyết toán cho Bên B theo đúng Điều 5 của Hợp đồng.

6.2. Trách nhiệm Bên B:

a. Tiến hành khảo sát hiện trạng, lập phương án cải tạo, thay thế cơ cấu làm kín đuôi lò – Hệ thống lò nung 15b.01 của Bên A trình Bên A xác nhận trước khi tiến hành thi công;

b. Lập Biện pháp thi công, bản vẽ gia công chế tạp, lắp đặt trình Bên A phê duyệt trước khi tiến hành thi công.

c. Tổ chức thi công tháo dỡ, lắp đặt đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người, thiết bị trong quá trình thực hiện, nếu để xảy ra mất an toàn lao động, gây sự cố cháy nổ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thi công, nếu Bên B làm mất hoặc hư hỏng tài sản của Bên A (*xác nhận nguyên nhân gây hư hỏng, mất mát do lỗi của Bên B)* thì Bên B phải đền bù 100% giá trị tài sản bị mất hoặc bị thiệt hại do hư hỏng theo giá trị tại thời điểm.

d. Chấp hành nghiêm chỉnh nội qui của Bên A, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ. Nếu Bên B vi phạm phải khắc phục, bồi thường các thiết hại có liên quan và bị xử phạt theo nội qui hiện hành của Bên A và của Pháp luật.

e. Hoàn thành toàn bộ công việc được giao nêu tại Điều 1; đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật nêu tại Điều 2 và tiến độ nêu tại Điều 3 của Hợp đồng.

f. Bảo hành chất lượng công việc sửa chữa thiết bị theo Điều 8 của Hợp đồng.

g. Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của Hợp đồng; không được đơn phương tạm dừng hoặc hủy bỏ Hợp đồng hoặc giao Hợp đồng cho một Bên thứ ba thực hiện mà không được Bên A đồng ý.

Điều 7. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại:

7.1. Phạt do vi phạm Hợp đồng:

Trường hợp Bên B hoàn thành việc lắp đặt bàn giao đưa vào sử dụng chậm so với qui định trong Hợp đồng, thì Bên B sẽ phải chịu phạt 0,5% giá trị Hợp đồng/01 ngày chậm và thời gian chậm không quá 03 ngày. Nếu Bên B chậm quá 03 ngày, Bên A có quyền dừng thi công và mời Nhà thầu khác vào thực hiện hoặc tự thực hiện. Kinh phí thuê Nhà thầu khác thực hiện Bên B phải chi trả.

7.2. Bồi thường thiệt hại:

Ngoài việc Bên B phải kinh phí cho việc Bên A thuê Nhà thầu khác thi công như nêu tại Khoản 7.1 – Điều 7 của Hợp đồng, thì khi Bên A bị thiệt hại do Bên B thi công chậm quá thời gian qui định, hoặc khi Bên B không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong thời gian bảo hành làm ảnh hưởng đến sản xuất và gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B còn phải có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại do Bên B gây ra. Mức bồi thường thiệt hại sẽ được tính toán trên cơ sở giá trị thiệt hại Bên B gây ra và sẽ do Hai Bên thỏa thuận.

Điều 8. Bảo hành:

8.1. Bảo hành chất lượng vật tư, thiết bị (*bao gồm cả các vật tư thiết bị của Bên A được Bên B tận dụng lại*), lắp đặt trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày thiết bị được đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành, nếu xảy ra hư hỏng do lỗi của Bên B thì sau khi nhận được thông báo của Bên A, chậm nhất không quá 02 ngày, Bên B bằng kinh phí của mình phải sửa chữa, khắc phục kịp thời, không làm ảnh hưởng đến sản xuất của Bên A. Thời gian khắc phục, sửa chữa Hai Bên sẽ cùng xem xét và thống nhất tùy theo mức độ hư hỏng của thiết bị, nhưng không chậm hơn 05 ngày, kể từ ngày tiến hành khắc phục, sửa chữa.

8.2. Nếu sau 02 ngày, kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B mà Bên B không tiến hành khắc phục, sửa chữa thì Bên A sẽ tiến hành khắc phục, sửa chữa. Khi đó mọi chi phí khắc phục, sửa chữa Bên A sẽ khấu trừ vào số tiền còn giữ lại để bảo hành. Nếu số tiền giữ lại bảo hành không đủ, Bên B phải chi trả cho Bên A..

Điều 9. Điều khoản chung:

9.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc Hai Bên sẽ thông báo cho nhau và cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp phát sinh vướng mắc Hai Bên không tự giải quyết được, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án kinh tế để giải quyết. Bên vi phạm sẽ chịu mọi án phí.

9.2. Hai Bên không được đơn phương tạm dừng hoặc hủy bỏ Hợp đồng này; Bên B không được giao Hợp đồng cho một Bên thứ ba thực hiện mà không được Bên A đồng ý.

9.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Nguyễn Quang Huy	**Họ, tên**
Tổng giám đốc	Chức vụ